

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2024
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Đoàn Thảo Nhi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê chúc N, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã Khánh Hoà, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trà Văn L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê chúc N trình bày:* Năm 2015 bà và ông Trà Văn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống và ông L không quan tâm đến gia đình. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L; Về con chung, có 01 người con tên Trà Văn Khang, sinh ngày 28/11/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi người con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000

đồng; Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, bà N có đơn đề nghị xét vắng mặt bà.

* Đối với bị đơn ông Trà Văn L, Tòa án đã tổng đạt triệu tập họp lệ tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông L vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bà Lê chúc N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Trà Văn L, địa chỉ ấp 2, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N và ông L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hoà, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân giữa bà N với ông L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà N yêu cầu ly hôn vì vợ chồng chung sống luôn bất đồng quan điểm sống và ông L không quan tâm đến gia đình. Ông L đã được Tòa án tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng đề triệu tập tham gia phiên hòa giải nhưng ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà N với ông L đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cho bà N với ông L ly hôn với nhau.

Về con chung: Xét thấy con chung tên Trà Văn Khang có nguyện vọng sống chung với bà N. Mặt khác, ông L đã được tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà N. Do đó, để đảm bảo cho con chung phát triển ổn định về mặt tâm sinh lý nên Hội đồng xét xử giao người con chung tên Trà Văn Khang cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy theo quy định tại khoản 2, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Áp dụng điều luật đã viện dẫn thì yêu cầu của bà N là có cơ sở chấp nhận, tuy nhiên mức cấp dưỡng bà N yêu cầu là cao so với thu nhập của ông L. Bởi lẽ, ông L không có công việc ổn định, nên thu nhập cũng không ổn định. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông L cấp dưỡng nuôi người con chung tên Trà Văn Khang mỗi tháng 1.000.000 đồng, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung tên Trà Văn Khang tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L không có ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này các bên có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải nộp 300.000 đồng. Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng ông Trà Văn L phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

** Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê chúc N với ông Trà Văn L.
2. Về con chung: Giao người con chung tên Trà Văn Khang, sinh ngày 28/12/2016 cho bà Lê chúc N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trà Văn L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Trà Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung tên Trà Văn Khang mỗi tháng 1.000.000 đồng, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung tên Trà Văn Khang tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê chúc N phải nộp số tiền 300.000 đồng, ngày 21 tháng 02 năm 2024 bà N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006240 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng ông Trà Văn L phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm bà Lê chúc N và ông Trà Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hoà, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Hận